

**BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ VÀ THIẾT BỊ VIỆT ĐỨC**

**ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG
GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP**

Ngành, nghề : Kỹ thuật hình ảnh y học

Trình độ đào tạo : Cao đẳng

Quy mô tuyển sinh : 100 sinh viên/năm

Giấy chứng nhận Đăng ký HDGDNN: Số 35/2022/GCNĐKHĐ-TCGDNN,
ngày 24/5/2022 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp.

- Tại địa điểm đào tạo: 40 Tràng Thi, Hàng Bông, Hoàn Kiếm, Hà Nội

TT	NỘI DUNG	Số lượng	Tổng diện tích (m²)	Ghi chú
I	Phòng làm việc, khu hành chính và khu hiệu bộ	32	1.593,6	
II	Các công trình xây dựng phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, giải trí và các công trình y tế, dịch vụ để phục vụ cán bộ quản lý, nhà giáo và học sinh – sinh viên	312	21721,29	
1	Phòng Hội trường	3	1157	
2	Phòng Thư viện	5	400	
3	Ký túc xá	295	11800	
4	Sân bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ....	3	5.000	
5	Nhà đa năng	1	500	
6	Nhà để xe	3	2304,29	
7	Nhà ăn (bếp ăn)	1	500	
8	Phòng y tế	1	60	
III	Phòng học, phòng thí nghiệm; Nhà xưởng thực hành, thực tập; Cơ sở sản xuất thử nghiệm	46	4857	
1	Phòng học lý thuyết	25	2607	
2	Phòng, xưởng thực hành	21	2250	
TỔNG		390	28.171,89	

b) Cơ sở vật chất cho ngành, nghề Kỹ thuật hình ảnh y học:

- Số phòng học lý thuyết chuyên môn: 03 phòng với diện tích sử dụng 240 m²

- Số phòng/xưởng thực hành, thực tập: 05 phòng với diện tích sử dụng 292,2 m²

đảm bảo diện tích cho sinh viên học thực hành đủ số số tiết học tin học, ngoại ngữ, điều dưỡng cơ bản và cấu tạo chức năng cơ thể theo quy định.

Stt	Phòng học	Diện tích sử dụng m²	Vị trí
1.	Phòng thực hành máy vi tính	67,2	A301- Số 1, ngõ 89, đường Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội

2.	Phòng thực hành máy vi tính	45	A302- Số 1, ngõ 89, đường Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội
3.	Phòng thực hành ngoại ngữ	40	A202- Số 1, ngõ 89, đường Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành Phố Hà Nội
4.	Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng	70	Tầng 1 nhà B1- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
5.	Phòng thực hành giải phẫu	70	Tầng 1 nhà B1- Số 40, phố Tràng Thi, phường Hàng Bông, quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

2. Các điều kiện đảm bảo về thiết bị, dụng cụ đào tạo.

Trang thiết bị của trường phục vụ đào tạo được Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức đầu tư mua sắm và sử dụng trang thiết bị của Bệnh viện, cải tạo nhà xưởng thực hành để phục vụ cho công tác đào tạo sinh viên chính quy 04 mã ngành: Điều dưỡng, Kỹ thuật hình ảnh y học, Kỹ thuật xét nghiệm y tế và Kỹ thuật Phục hồi chức năng.

+ **Phòng học kỹ thuật cơ sở:** 03 phòng có diện tích sử dụng 240m² và mỗi phòng trang bị gồm:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Màn chiếu	Bộ	01
4	Bảng viết	Cái	01
5	Bút viết các màu	Cái	02

+ Phòng thực hành máy vi tính: A301

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy tính để bàn trang bị đầy đủ phần mềm:	Bộ	19
2	Máy chiếu	Bộ	01
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phonh chữ tiếng Việt	Bộ	01
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01
6	Máy Scanner	Chếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng)	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01

+ Phòng thực hành máy vi tính: A302

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Máy tính để bàn trang bị đầy đủ phần mềm:	Bộ	19
2	Máy chiếu	Bộ	01
3	Bộ phần mềm văn phòng Microsoft Office	Bộ	01
4	Bộ phần mềm phonh chữ tiếng Việt	Bộ	01
5	Phần mềm diệt virus	Bộ	01
6	Máy Scanner	Chếc	01
7	Thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng)	Chiếc	01
8	Máy in	Chiếc	01

+ Phòng thực hành ngoại ngữ: A202

TT	Tên thiết bị đào tạo	Đơn vị	Số lượng
1	Bàn điều khiển	Chiếc	01
2	Khối điều khiển trung tâm	Chiếc	01
3	Khối điều khiển thiết bị ngoại vi	Bộ	01
4	Phần mềm điều khiển (LAB)	Bộ	01

5	Máy tính để bàn	Bộ	40
6	Máy tính giáo viên	Bộ	01
7	Tai nghe	Bộ	40
8	Thiết bị lưu trữ dữ liệu (ổ cứng)	Cái	01
9	Máy Scanner	Chiếc	01

+ Phòng thực hành kỹ thuật điều dưỡng: Tầng 1 nhà B1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1.	Đồng hồ bấm giây	Chiếc	03
2.	Máy vi tính	Bộ	01
3.	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
4.	Màn chiếu	Cái	01
5.	Bảng viết	Cái	01
6.	Giường người bệnh	Chiếc	02
7.	Chăn	Chiếc	05
8.	Đệm	Chiếc	02
9.	Đệm hơi, nước	Chiếc	01
10.	Ga trải giường	Chiếc	10
11.	Gối	Chiếc	01
12.	Săng trải giường	Chiếc	01
13.	Tấm lót	Chiếc	05
14.	Tủ đầu giường	Chiếc	02
15.	Cáng	Chiếc	01
16.	Xe cáng người bệnh	Chiếc	01
17.	Xe đẩy dùng cho người bệnh	Chiếc	01
18.	Xe đẩy dụng cụ, thuốc	Chiếc	01
19.	Nhiệt kế thủy ngân	Bộ	05
20.	Nhiệt kế điện tử	Chiếc	03
21.	Huyết áp + ống nghe	Bộ	03
22.	Huyết áp kế điện tử	Chiếc	03
23.	Huyết áp kế đồng hồ + ống nghe	Bộ	03

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
24.	Máy cạo râu	Chiếc	03
25.	Máy hút dịch 2 bình	Chiếc	03
26.	Máy khí rung	Chiếc	03
27.	Máy sấy tóc	Chiếc	03
28.	Bàn chải	Chiếc	03
29.	Bàn chải mềm	Chiếc	03
30.	Băng buộc	Chiếc	05
31.	Băng chun	Cuộn	03
32.	Băng cuộn	Cuộn	10
33.	Băng Esmarch	Cuộn	03
34.	Bảng phooc	Chiếc	01
35.	Bảng tam giác	Chiếc	03
36.	Bát và 2 thìa	Bộ	03
37.	Bình làm ấm	Chiếc	03
38.	Bình oxy	Chiếc	03
39.	Bình phong	Chiếc	03
40.	Bô	Chiếc	03
41.	Bô dẹt	Chiếc	03
42.	Bô vệt	Chiếc	03
43.	Bộ dây đo áp lực tĩnh mạch trung tâm	Bộ	03
44.	Bộ nẹp gỗ sơ cứu (10 thanh)	Bộ	03
45.	Bộ thử test đầu giường	Bộ	03
46.	Bóc thụt	Chiếc	03
47.	Bơm tiêm	Bộ	50
	Mỗi bộ bao gồm		
	Loại 20 ml	Chiếc	01
	Loại 50 ml	Chiếc	01
48.	Bồn đựng nước vô khuẩn, vòi có van gạt	Chiếc	03
49.	Bóng ambu	Chiếc	03

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
50.	Ca	Chiếc	03
51.	Cốc chia vạch	Chiếc	03
52.	Cốc đựng bông tẩm dầu Parafin	Chiếc	10
53.	Cốc đựng thức ăn	Chiếc	03
54.	Cốc đựng thuốc	Chiếc	03
55.	Cốc	Chiếc	03
56.	Bình đựng nước nguội	Chiếc	03
57.	Phích đựng nước nóng	Chiếc	03
58.	Canuyn và khóa van	Bộ	03
59.	Chậu	Chiếc	03
60.	Chậu inox	Chiếc	03
61.	Cọc truyền inox 2 tai treo	Chiếc	05
62.	Dao mổ + cán dao	Chiếc	03
63.	Dây cao su mềm	Chiếc	03
64.	Dây dẫn đo áp lực dịch não tủy	Chiếc	03
65.	Dây dẫn lưu màng phổi	Chiếc	05
66.	Dây dẫn lưu màng tim	Chiếc	03
67.	Dây dẫn lưu ổ bụng	Chiếc	03
68.	Dây garo và gói nhỏ	Bộ	03
69.	Dây thở oxy 2 nhánh	Chiếc	10
70.	Dây truyền	Chiếc	20
71.	Đè lưỡi	Chiếc	03
72.	Đèn cồn	Chiếc	03
73.	Đèn soi thanh quản	Chiếc	03
74.	Hộp inox chữ nhật	Chiếc	03
75.	Hộp đựng bông gạc	Chiếc	03
76.	Hộp đựng dụng cụ vô khuẩn	Chiếc	03
77.	Hộp đựng dung dịch khử khuẩn	Chiếc	03
78.	Hộp đựng khăn vô khuẩn	Chiếc	03

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
79.	Hộp thuốc cấp cứu phản vệ	Bộ	03
80.	Hộp tròn inox	Chiếc	03
81.	Hộp inox đựng bông cầu	Chiếc	03
82.	Hộp tròn đựng bông cùn	Chiếc	03
83.	Kéo	Bộ	05
	Mỗi bộ bao gồm		
	Kéo cong	Chiếc	01
	Kéo thẳng	Chiếc	01
	Kéo cắt chỉ	Chiếc	01
	Kéo đầu tù	Chiếc	01
84.	Kẹp phẫu tích	Chiếc	03
85.	Kẹp phẫu tích có máu	Chiếc	03
86.	Khăn tắm	Chiếc	03
87.	Khăn rửa mặt	Chiếc	03
88.	Máng gội đầu	Chiếc	03
89.	Khay chữ nhật	Chiếc	03
90.	Khay hạt đậu	Chiếc	03
91.	Kim chọc dò	Chiếc	03
92.	Kim chọc dò Terumo	Chiếc	03
93.	Kim chọc dò tùy sống	Chiếc	03
94.	Kim khâu da	Chiếc	03
95.	Kim khâu da + chỉ line	Chiếc	03
96.	Kim mang kim	Chiếc	03
97.	Kim mở miệng	Chiếc	03
98.	Lọ đựng phân	Chiếc	03
99.	Lược	Chiếc	03
100.	Mask thở oxy	Chiếc	05
101.	Mô hình đa năng	Bộ	10
102.	Mô hình đặt ống thông dạ dày	Chiếc	04

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
103.	Mô hình hồi sinh tim phổi	Bộ	05
104.	Mô hình thông tiểu nam	Chiếc	03
105.	Mô hình thông tiểu nữ	Chiếc	03
106.	Mô hình thụt tháo	Bộ	01
107.	Mô hình tiêm bắp, tĩnh mạch cánh tay	Bộ	03
108.	Mô hình tiêm mông	Bộ	01
109.	Ống đong có chia vạch	Chiếc	03
110.	Ống faucher	Chiếc	03
111.	Ống nghe tim phổi	Chiếc	03
	Ống nghiệm	Bộ	01
	Mỗi bộ gồm		
112.	Loại 20ml	Chiếc	03
	Giá đỡ ống nghiệm	Chiếc	01
	Giá kẹp ống nghiệm	Chiếc	01
113.	Ống nội khí quản	Chiếc	10
114.	Ống sonde Clini	Chiếc	03
115.	Ống sonde Levin	Chiếc	03
116.	Ống sonde Nelaton các cỡ (số 6, 8, 10, 12)	Chiếc	03
	Bộ panh	Bộ	03
	Mỗi bộ bao gồm		
117.	Loại cong có máu	Chiếc	01
	Loại cong không máu	Chiếc	01
	Loại thẳng có máu	Chiếc	01
	Loại thẳng không máu	Chiếc	01
118.	Panh Farabeuf	Chiếc	03
119.	Quả bóp cao su và sonde Nelaton	Bộ	03
120.	Que bệt	Chiếc	03
121.	Săng 50 x 50 cm	Chiếc	03
122.	Săng có lỗ	Chiếc	03

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
123.	Săng mô	Chiếc	03
124.	Sonde Catheter	Chiếc	10
125.	Tạp dề	Chiếc	03
126.	Thìa gạt	Chiếc	03
127.	Trụ cắm panh inox	Chiếc	03
128.	Túi chườm	Chiếc	03
129.	Túi đựng dụng cụ cấp cứu	Túi	03
130.	Vô đập đá	Chiếc	03
131.	Xô	Chiếc	03
132.	Thùng rác y tế	Chiếc	02
133.	Bộ tranh vẽ: tim mạch, hô hấp, tiêu hoá, tiết niệu, cơ quan tạo máu, xử trí ngộ độc cấp, say nắng, say nóng, ngạt nước, rắn cắn,...	Bộ	01
134.	Bộ tranh quy trình kỹ thuật điều dưỡng	Bộ	01

+ Phòng thực hành giải phẫu: Tầng 1 nhà B1

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy vi tính	Bộ	01
2	Máy chiếu (Projector)	Bộ	01
3	Màn chiếu	Cái	01
4	Bảng viết	Chiếc	01
5	Mô hình bộ xương người tháo rời	Bộ	01
6	Mô hình hộp sọ	Bộ	01
7	Mô hình cơ thể bán thân + nội tạng	Bộ	05
8	Mô hình cơ thể bán thân hệ cơ	Bộ	01
9	Mô hình hệ cơ bán thân có đầu	Bộ	01
10	Mô hình hệ cơ toàn thân	Bộ	01
11	Mô hình cơ cánh tay	Bộ	01
12	Mô hình giải phẫu toàn thân	Bộ	01
13	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01
14	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	01
15	Mô hình giải phẫu hệ cơ, xương đầu - mặt - cổ	Bộ	01

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
16	Mô hình giải phẫu hệ tuần hoàn	Bộ	01
17	Mô hình tim	Chiếc	03
18	Mô hình giải phẫu hệ hô hấp	Bộ	03
19	Mô hình phổi	Chiếc	03
20	Mô hình giải phẫu hệ tiêu hoá	Bộ	01
21	Mô hình giải phẫu hệ tiết niệu	Bộ	03
22	Mô hình giải phẫu hệ thần kinh	Bộ	03
23	Mô hình cơ quan sinh dục nam	Bộ	04
24	Mô hình bộ phận ngoài cơ quan sinh dục nữ	Bộ	04
25	Mô hình tử cung, vòi trứng, buồng trứng	Bộ	01
26	Mô hình giải phẫu tai mũi họng	Bộ	03
27	Mô hình mắt	Bộ	03
28	Mô hình da phóng đại	Chiếc	03
29	Mô hình tai phóng đại	Chiếc	03
30	Mô hình não	Chiếc	03
31	Mô hình cắt ngang tuỷ sống	Chiếc	03
32	Mô hình cắt dọc qua mũi, miệng, hầu	Chiếc	03
33	Mô hình cắt đứng qua hông chậu nữ	Chiếc	03
34	Mô hình chi trên/chi dưới cắt lớp	Bộ	03
35	Mô hình cắt lớp đầu, mặt	Chiếc	03
36	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý máu và tế bào máu	Bộ	01
37	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi trên	Bộ	01
38	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương, khớp chi dưới	Bộ	01
39	Bộ tranh giải phẫu hệ cơ, xương đầu, mặt, cổ	Bộ	01
40	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tuần hoàn	Bộ	01
41	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ hô hấp	Bộ	01
42	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ tiết niệu	Bộ	01
43	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thần kinh	Bộ	01
44	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nam	Bộ	01
45	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ sinh dục nữ	Bộ	01
46	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý răng miệng	Bộ	01
47	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý da	Bộ	01
48	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thị giác	Bộ	01

TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
49	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ thính giác	Bộ	01
50	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ khứu giác	Bộ	01
51	Bộ tranh giải phẫu - sinh lý hệ vị giác	Bộ	01

+ Các thiết bị phục vụ đào tạo Kỹ thuật hình ảnh y học: các phòng thực hành của khoa Chẩn đoán hình ảnh tầng 1 nhà D như: phòng 102, 103, 104, 105, 115, 116, 118, 119, 120, 122 và tầng 1 nhà B1 như 102, 103 có diện tích sử dụng 600 m² đảm bảo cho tất các sinh viên tham gia thực hành.

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
1	Máy siêu âm màu ACCUVIX - XG -B 11514300000063	Chiếc	01
2	Máy siêu âm màu 4D Doppler- Model: Accuvix XG- Seri: S074M3HDA00003K -	Chiếc	01
3	Máy siêu âm chuyên dụng cho ổ bụng - Model:UGEO H60 - No:S0QZM3HF100004F	Chiếc	01
4	Máy siêu âm chuyên dụng cho ổ bụng - Model:UGEO H60 - No:S0QZM3HF100003E	Chiếc	01
5	Máy Siêu âm 3 đầu dò - Hàn Quốc (Khoa CĐHA) LS7000403 (217635YP2/479060WX6/210222YP6)	Chiếc	01
6	Máy Siêu âm 2 đầu dò - Hàn Quốc S061M3HHA0000/1T/KOJNM3GH00009F/KOJM3GHA00002B	Chiếc	01
7	Máy siêu âm Doppler màu tổng quát (có chức năng chẩn đoán độ cứng vùng tổn thương ở gan)RS85/ Samsung Medison/ Hàn Quốc/ 2018 S/N S18VM3HK200019E	Chiếc	01
8	Máy siêu âm Doppler màu tổng quát ≥ 2 đầu dò-Affiniti 30/ Philips (Bộ phận thiết bị y tế - Philips Healthcare)/ Máy chính xuất xứ Mỹ, Các phụ kiện khác (như đầu dò,...) được sản xuất tại các nhà máy của tập đoàn Philips tại nhiều nước khác nhau/ 2018 Serial: US818E1770	Chiếc	01
9	Máy siêu âm Doppler màu 2 đầu dò HS50/Samsung Medison /Hàn Quốc/2018 - Số S/N: S1C8M3HK - 600007L	Chiếc	01
10	Máy siêu âm Doppler màu 2 đầu dò HS50/Samsung Medison /Hàn Quốc/2018 - Số S/N: S1C8M3HK- 600008T	Chiếc	01
11	Máy siêu âm dùng trong phòng mổ LOGIQ F6/ GE Healthcare/ Trung Quốc/ 2017-2018 S/N 6000533WXO	Chiếc	01
12	Máy siêu âm doppler màu tổng quát >2 đầu dò model affiniti 30-hãng philips - mỹ - 2018(kèm theo 1 phần mềm khám, 1 đầu dò convex, 1 đầu linear, máy in nhiệt đen trắng sony - model UP-D898MD) S/N USD18E0871 - Tài trợ BIDV	Chiếc	01
13	Máy siêu âm doppler màu tổng quát >2 đầu dò model affiniti 30-hãng philips - mỹ - 2018(kèm theo 1 phần mềm khám, 1 đầu dò convex, 1 đầu linear, máy in nhiệt đen trắng sony - model UP-D898MD) S/N USD18E0869 - Tài trợ BIDV	Chiếc	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
14	Máy siêu âm doppler màu tổng quát >2 đầu dò model affiniti 30-hãng philips - mỹ - 2018(kèm theo 1 phần mềm khám, 1 đầu dò convex, 1 đầu dò linear, máy in nhiệt đen trắng sony - model UP-D898MD) S/N USD18E0870 - Tài trợ BIDV	Chiếc	01
15	Máy siêu âm doppler màu tổng quát > 2 đầu dò: 1 cái, sn: US820E1594,model: Affiniti 30,sx: Philips Ultrasound Inc/Mỹ/2020; đầu dò Convex: 1 cái,sn: B3Q42G,model:C6-2, sx: TQ; đầu dò Linear: 1 cái,sn:B3L47C,model: L12-5,sx:TQ;đầu dò Micro Covex:1 cái,sn: F01WRC,model: C8-5; máy tính kèm phụ kiện: 1 bộ,sn:8CG9301QKG, màn hình:1 cái,sn:3CM048224P,model: 22F3AJ92AA,sx:HP, máy in laser đen trắng: 1 cái,sn: PHCW213172,model: LaserJet ProM404dn,sx:HP; máy in nhiệt đen trắng: 1 cái,model:UP-D898MD; Bộ UPS online 2KVA:1 bộ,sn:200713-56780114,model:C2K-LCD,sx:Santak.	Chiếc	01
16	Hệ thống máy chụp XQ kỹ thuật số. Model: 2000 Dual Plus/SX Việt Nam. SN VKM30009010415 (P.128)	Hệ thống	01
17	Hệ thống máy chụp XQ kỹ thuật số. Model: 2000 Dual Plus/SX Việt Nam. SN VKM30008010415 (P.127)	Hệ thống	01
18	Hệ thống Xquang kỹ thuật số DR 2 tấm cảm biến Hãng sx:DRGEM Corporation/HQ+Fujifilm/ NB gồm: 1 Máy XQ kỹ thuật số: FDR SMART FGXR-68S, S/N: DXF1960043A (tủ cao thể GBF1961196A, bộ chuẩn trực chùm tia 1812642, bóng XQ 19A1888, cột bóng ATB1960487A, Giá chụp phổi AWA1960716A, Bàn bệnh nhân, công tắc chụp cảm tay) , 1 bộ tạo ảnh kỹ thuật số (Hệ thống chuyển đổi KTS cho máy chụp XQ) kèm phụ kiện: model: DR-ID 1200 FDR D-EVO II, xuất xứ: Nhật Bản, gồm: 2 tấm cảm biến nhận ảnh 96355097-96355098, Trạm làm việc xử lý phần mềm 86536859, phần mềm, Máy in phim khô 96242601) . Phụ kiện tiêu chuẩn gồm: Màn hình trạm CN-OTVT7F-WS200-940-744L-A09,100 phim khô, bộ lưu điện UPS online 181221-17160010, đèn bảo phát tia, áo chì, yếm chì. Hàn Quốc + Nhật bản	Hệ thống	01
19	Máy XQ số hóa DR - Carestream - Q RAD DS 3V, seri number: QRAD-14N-1058, model: Carestream - Q RAD DS 3V , hãng sx: Quamtum	Hệ thống	01
20	Máy XQ số hóa DR - Carestream - Q RAD DS 3V, seri number: QRAD-14N-1059, model: Carestream - Q RAD DS 3V , hãng sx: Quamtum	Hệ thống	01
21	Hệ thống máy chụp XQ kỹ thuật số (1C) - Comed - Titan 2000 Dual , seri number: 162270105153, model: Titan 2000 Dual, hãng sx: Vikomed	Hệ thống	01
22	Hệ tổng máy chụp XQ XR120 GE 5973XR0308	Hệ thống	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
23	Hệ tổng máy chụp XQ XR120 GE 5973XR0256	Hệ thống	01
24	Hệ tổng máy chụp XQ XR120 GE 5973XR0296	Hệ thống	01
25	Hệ thống máy chụp X-quang răng toàn cảnh CS 8100/ Carestream / Pháp / 2017- 2018 S/N GGIA007	Hệ thống	01
26	Hệ thống X-quang di động Kỹ thuật số (DR)GM85/Samsung Electronic/2018 s/n 5143M3HK40001N - NSNN cơ sở 2	Hệ thống	01
27	Hệ thống máy X-quang di động kỹ thuật số (DR)GM85/Samsung Electronic/Hàn Quốc /2017-2018-gói 10-S/N 5143M3JJ500001A	Hệ thống	01
28	Hệ thống máy X-quang di động kỹ thuật số FUJI FDR-XD1000	Hệ thống	01
29	Hệ thống máy X-quang di động kỹ thuật số GE OPTIMA XR240	Hệ thống	01
30	Hệ thống xử lý ảnh chụp XQ tại giường FUJI EVOII DR ID-1200	Hệ thống	01
31	Hệ thống chụp cắt lớp vi tính 16 lát cắt Hãng XS GE/Nhật Bản (CT16D1)	Hệ thống	01
32	Hệ thống chụp Cắt lớp 16 lát cắt/vòng quay. Hãng SX: SIMENS/Xuất xứ Đức/Seri: 93051/ Kèm máy bơm thuốc cản quang Acccutron SN: 871017052. Hãng SX Medtron (CT16D2)	Hệ thống	01
33	Hệ thống chụp cắt lớp xoắn ốc toàn thân 64 dãy - GE Heal Thcare - Lightspeed VCT , seri number: 859210069, model: Lightspeed VCT, hãng sx: GE	Hệ thống	01
34	Hệ thống chụp cắt lớp 64 lát cắt - GE Heal Thcare - Optima CT660, seri number: 5368687 5973CT 0009, model: Optima CT660, hãng sx: GE	Hệ thống	01
35	Hệ thống máy chụp CT cắt lớp xoắn ốc toàn thân 2 lát cắt (1C) - Siemens - Somatom , seri number: 10032, model: SOMATOM Spiit, hãng sx: Siemens AG, Medical Solutions	Hệ thống	01
36	Hệ thống CT 256 REVOLUTION	Hệ thống	01
37	Hệ thống cộng hưởng từ 1,5 Tesla No 41319/ DA Tăng cường năng lực KCB và ĐT	Hệ thống	01
38	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla - Siemens - Magnetom Avanto, seri number: 57149, model: Magnetom Avanto, hãng sx: Siemens	Hệ thống	01
39	Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 Tesla - Siemens - Magnetom Avanto, seri number: 57333 , model: Magnetom Avanto, hãng sx: Siemens	Hệ thống	01

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng
40	Hệ thống CHT 3.0T SIGNA PIONEER GE	Hệ thống	01
41	Hệ thống chụp mạch xóa nền kỹ thuật số-DSA-Allura Xper FD20-No 1432/ DA Tăng cường năng lực KCB và ĐT (DSA 1)	Hệ thống	01
42	Hệ thống chụp mạch xóa nền kỹ thuật số-DSA-Allura Xper FD20-No 2043/ DA (DSA 2)	Hệ thống	01

- Cơ sở liên kết đào tạo: 02 cơ sở thực hành và 01 cơ sở giáo dục

STT	Tên cơ sở thực hành	Ghi chú
1	Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	
2	Bệnh viện Bạch Mai	
3	Trường Cao đẳng Y tế Hà Nội	

3. Điều kiện đảm bảo về Nhà giáo

- a) Tổng số nhà giáo của ngành, nghề: 29 nhà giáo giảng môn chuyên ngành và 08 nhà giáo giảng các môn học chung toàn trường.
- b) Tỷ lệ học sinh, sinh viên quy đổi/giáo viên, giảng viên quy đổi: 11 sinh viên/giảng viên/khóa học.
- c) Nhà giáo cơ hữu (nếu là cán bộ quản lý tham gia giảng dạy thì ghi rõ số giờ giảng dạy/năm),

TT	Họ và tên	Trình độ chuyên môn được đào tạo	Trình độ nghiệp vụ sư phạm	Trình độ kỹ năng nghề	Môn học, mô-đun, tín chỉ được phân công giảng dạy
1.	Phạm Thị Phương Anh	Thạc sĩ Lý luận và PP giảng dạy giáo dục chính trị	CCSP dạy nghề		Pháp luật, Chính trị
2.	Quản Đức Tuyền	Cử nhân Luật	Bậc 2		Pháp luật, Chính trị
3.	Nguyễn Anh Dũng	Cử nhân Giáo dục thể chất	Cử nhân sư phạm		Giáo dục thể chất
4.	Hà Thanh Phong	Thạc sĩ Kỹ thuật điện tử	Bậc 2		Tin học cơ bản
5.	Nguyễn Bích Thủy	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	ĐHSPNN Nga		Anh văn

6.	Nguyễn Thị Hải Vân	Thạc sĩ KHXH nhân văn ngôn ngữ Anh	CCSP dạy nghề		Anh văn
7.	Hồ Tiến Công	Thạc sĩ QL KH Công nghệ Kỹ sư Kỹ thuật Điện tử- viễn thông	Bậc 1		Tin học cơ bản
8.	Nguyễn Thị Hồng Cẩm	Thạc sĩ Khoa học máy tính	CCNV Sư phạm		Tin học cơ bản
9.	Lê Thanh Dũng	Tiến sĩ y học chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Nguyên lý tạo ảnh và xử lý hình ảnh y học
10.	Nguyễn Đình Minh	Tiến sĩ y học chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Nguyên lý tạo ảnh và xử lý hình ảnh y học
11.	Phạm Hữu Khuyên	Bác sĩ chuyên khoa 2 chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		An toàn bức xạ trong y học và tổ chức quản lý
12.	Bùi Quang Huỳnh	Thạc sĩ y học chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		An toàn bức xạ trong y học và tổ chức quản lý
13.	Nguyễn Lan Hương	Thạc sĩ y học chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Kỹ thuật siêu âm
14.	Sử Thị Mỹ Hà	Bác sĩ chuyên khoa 2 chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điện quang can thiệp
15.	Nguyễn Thị Mến	Bác sĩ chuyên khoa 2 chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Y học hạt nhân và xạ trị
16.	Vũ Thị Hằng	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Kỹ thuật siêu âm
17.	Vũ Hoài Linh	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Điện quang can thiệp
18.	Đỗ Việt Anh	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Nguyên lý tạo ảnh và xử lý hình ảnh y học
19.	Nguyễn Thanh Vân	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Kỹ thuật siêu âm
20.	Nguyễn Thị Hiếu	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Y học hạt nhân và xạ trị

21.	Nguyễn Ngọc Đức	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp Xquang1
22.	Thân Văn Sỹ	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính
23.	Đào Xuân Hải	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính
24.	Lê Thị Hồng Phương	Bác sĩ nội trú chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp Xquang1
25.	Đinh Thu Hằng	Thạc sĩ y học chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp Xquang2
26.	Trần Thị Phương	Thạc sĩ y học chuyên ngành CDHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp Xquang1
27.	Đào Hồng Quang	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp Xquang2
28.	Nguyễn Tuấn Hải	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính
29.	Nguyễn Cao Cường	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính
30.	Dư Thành Nhân	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ
31.	Nguyễn Văn Thiêm	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp Xquang2
32.	Nguyễn Hữu Tuấn	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính
33.	Vũ Ngọc Mến	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp Xquang1
34.	Bùi Thanh Cao	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ
35.	Đỗ Danh Thìn	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng	Kỹ thuật chụp Xquang1

36.	Nguyễn Mạnh Linh	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ
37.	Trần Thế Hưng	Bác sĩ chuyên khoa 2 chuyên ngành CĐHA	Chứng chỉ BDNVSP trình độ Đại học, Cao đẳng		Kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính

4. Thông tin chung về chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy

a) Tên chương trình, trình độ đào tạo, thời gian đào tạo, đối tượng tuyển sinh:

STT	Tên chương trình	Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo	Đối tượng tuyển sinh
1	Kỹ thuật hình ảnh y học	Cao đẳng	3 năm	- Tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương - Có đủ điều kiện sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành

(Quyết định phê duyệt và ban hành chương trình đính kèm)

b) Danh mục các loại giáo trình, tài liệu giảng dạy của từng ngành/ngành

STT	Tên sách	Nhà xuất bản	Năm xuất bản
1	Xác suất – Thống kê	Đại học Quốc gia Hà Nội	2004
2	Sinh học đại cương	Trường đại học Dược Hà Nội	2008
3	Bài giảng Giải phẫu Sinh lý	Nhà xuất bản Y học	1994
4	Bài giảng Giải phẫu tập I, II	Trường đại học Y Dược Thành phố HCM	2009
5	Hóa sinh	Đại học Y Hà Nội	2010
6	Ký sinh trùng Y học	Nhà xuất bản Y học	2001
7	Đạo đức y học	Nhà xuất bản Y học Hà Nội	2011
8	Bệnh học	Nhà xuất bản Y học	2010
9	Lý thuyết thiết bị hình ảnh y tế tập 1	Nhà xuất bản Giáo Dục VN	2008
10	Lý thuyết thiết bị hình ảnh y tế tập 2	Nhà xuất bản Giáo Dục VN	2008
11	Chẩn đoán hình ảnh Xquang	Nhà xuất bản Giáo dục VN	2010
12	Giải phẫu Xquang	Nhà xuất bản Y học	2007

13	CT chấn thương đầu	Nhà xuất bản Y học	2011
14	CT ngực	Nhà xuất bản Y học	2011
15	CT bụng chậu cơ bản	Nhà xuất bản Y học	2018
16	Kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	Nhà xuất bản Y học	2015
17	Hướng dẫn quy trình kỹ thuật chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh và điện quang can thiệp	Nhà xuất bản Y học	2011

Nơi nhận: *h*

- Lưu: ĐT.

Q. HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Khánh

Số: 16 /QĐ – CĐYT&TBVĐ

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo
trình độ cao đẳng chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC

Căn cứ Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-VĐ ngày 26/01/2021 của Giám đốc Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Y tế và Thiết bị Việt Đức;

Căn cứ Quyết định số 07/QĐ - CĐYTTBVĐ ngày 11/3/2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Y tế và Thiết bị Việt Đức về việc thành lập Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng các chuyên ngành Điều dưỡng; Kỹ thuật hình ảnh y học; Kỹ thuật xét nghiệm y học; Kỹ thuật phục hồi chức năng;

Căn cứ Kết luận của Hội đồng thẩm định chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học tại biên bản họp ngày 19/3/2022.

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt và ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng chuyên ngành Kỹ thuật hình ảnh y học (chương trình đào tạo theo phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Các Ông, bà Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng phòng Công tác sinh viên, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Hành chính tổng hợp và các Bộ môn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /A

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT; PĐT.



Nguyễn Mạnh Khánh

BỆNH VIỆN HỮU NGHỊ VIỆT ĐỨC
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ VÀ THIẾT BỊ VIỆT ĐỨC

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-CDYT&TB ngày 23 tháng 3 năm 2022
của Trường Cao đẳng y tế và Thiết bị Việt Đức)*

Trình độ đào tạo	Cao đẳng
Ngành đào tạo	Kỹ thuật Hình ảnh y học
Mã ngành	6720601
Hình thức đào tạo	Chính quy

Hà Nội, năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 16/QĐ-CDYT&TB ngày 23 tháng 3 năm 2022
của Trường Cao đẳng y tế và Thiết bị Việt Đức)

Tên ngành, nghề	: Kỹ thuật Hình ảnh y học
Mã ngành, nghề	: 6720601
Trình độ đào tạo	: Cao đẳng
Hình thức đào tạo	: Chính quy
Đối tượng tuyển sinh	: Tốt nghiệp Trung học phổ thông và tương đương
Thời gian đào tạo	: 3 năm

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu tổng quát:

Đào tạo người Kỹ thuật viên Hình ảnh y học có kiến thức về khoa học cơ bản, y học cơ sở, kiến thức và kỹ năng chuyên ngành ở trình độ cao đẳng để thực hiện các kỹ thuật hình ảnh y học phục vụ yêu cầu chẩn đoán và điều trị bệnh. Có khả năng nghiên cứu khoa học và tự học tập để vươn lên.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

Chương trình đào tạo cung cấp cho người học

1.2.1. Kiến thức:

- Trình bày được về cấu tạo, hoạt động và chức năng của cơ thể con người trong trạng thái bình thường và bệnh lý;
- Trình bày được các nguyên lý, kỹ thuật của kỹ thuật hình ảnh y học
- Có kiến thức luật pháp, chính sách của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân;
- Phương pháp luận khoa học trong công tác chăm sóc, phòng bệnh, chữa bệnh và nghiên cứu khoa học;

1.2.2. Kỹ năng

- Thực hiện được các kỹ thuật chụp X quang quy ước và một số kỹ thuật X quang có dùng thuốc cản quang. Phân tích được chất lượng hình ảnh.
- Nhận biết được các biểu hiện bất thường hay gặp trên phim để bộc lộ tổn thương rõ hơn khi chụp.
- Thực hiện được một số kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính và cộng hưởng từ;
- Thực hiện được các biện pháp đảm bảo an toàn phóng xạ;
- Tham gia tổ chức và quản lý khoa chẩn đoán hình ảnh ở tuyến huyện;
- Tham gia đào tạo và nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực chuyên ngành.

1.2.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện thái độ tử mĩ, chính xác, thận trọng và tôn trọng người bệnh khi thực hành các kỹ thuật hình ảnh y học;
- Thể hiện ý thức bảo vệ, an toàn phóng xạ cho bản thân và những người chung quanh.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Học xong chương trình này, người học có đủ điều kiện chuyên môn để được tuyển dụng vào làm việc tại:

- Phòng chụp Xquang, phòng chụp cắt lớp vi tính, phòng chụp cộng hưởng từ tại khoa Chẩn đoán hình ảnh của các cơ sở y tế của Nhà nước hoặc các cơ sở y tế ngoài công lập, các cơ sở đào tạo về hình ảnh y học.

1.4. Khả năng học tập, nâng cao trình độ

- Khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học phải đạt được sau khi tốt nghiệp ngành, nghề Kỹ thuật hình ảnh y học trình độ cao đẳng có thể tiếp tục phát triển ở các trình độ cao hơn;

- Người học sau tốt nghiệp có năng lực tự học, tự cập nhật những tiến bộ khoa học công nghệ trong phạm vi ngành, nghề để nâng cao trình độ hoặc học liên thông lên trình độ cao hơn trong cùng ngành nghề hoặc trong nhóm ngành nghề hoặc trong cùng lĩnh vực đào tạo.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khoá học:

- Số lượng môn học: 29 môn
- Khối lượng kiến thức toàn khoá học: 102 tín chỉ (2695 giờ)
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 21 tín chỉ (435 giờ)
- Khối lượng các môn học cơ sở: 21 tín chỉ (360 giờ)
- Khối lượng môn học chuyên ngành: 60 tín chỉ (1900 giờ)
- Khối lượng môn học tự chọn: 4 tín chỉ (180 giờ)
- Khối lượng lý thuyết: 820 giờ;
- Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1852 giờ

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/Kiểm tra
I	Các môn chung	21	435	157	255	23
MH CH 1	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
MH CH 2	Tin học	3	75	15	58	2
MH CH 3	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	6	120	42	72	6
MH CH 4	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH CH 5	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
MH CH 6	Giáo dục quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn					
II.1	Môn học, mô đun cơ sở	21	360	258	85	17
MH CS 1	Cấu tạo và chức năng của cơ thể	4	75	43	29	3
MH CS 2	Sự hình thành bệnh tật và quá trình phục hồi	3	45	42	0	3
MH CS 3	Pháp luật y tế và đạo đức nghề nghiệp	2	30	29	0	1
MH CS 4	Sức khỏe môi trường và dịch tễ học	2	30	28	0	2
MH CS 5	Tâm lý - Giao tiếp - GDSK	2	30	29	0	1
MH CS 6	Nghiên cứu khoa học	2	30	29	0	1
MH CS 7	Bệnh học cơ sở	2	30	29	0	1
MĐ CS 8	Điều dưỡng cơ sở	4	90	29	56	5
II.2	Môn học, mô đun chuyên môn	60	1900	379	1435	
MH HA 01	Nguyên lý tạo ảnh và xử lý hình ảnh y học	2	30	27	0	3
MĐ HA 02	An toàn bức xạ trong y học và tổ chức quản lý - bảo trì thiết bị khoa CDHA	2	60	12	45	3

MH HA 03	Lý thuyết kỹ thuật chụp X-quang 1	5	75	71	0	4
MĐ HA 04	Thực hành kỹ thuật chụp X quang 1	5	225	0	215	10
MH HA 05	Lý thuyết kỹ thuật chụp X-quang 2	4	60	56	0	4
MĐ HA 06	Thực hành kỹ thuật chụp X quang 2	4	180	0	172	8
MH HA 07	Lý thuyết kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	5	75	71	0	4
MĐ HA 08	Thực hành kỹ thuật chụp cắt lớp vi tính	5	225	0	215	10
MH HA 09	Lý thuyết kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	5	75	71	0	4
MĐ HA10	Thực hành kỹ thuật chụp cộng hưởng từ	5	225	0	215	10
MĐ HA11	Kỹ thuật siêu âm	3	75	28	41	6
MĐ HA12	Điện quang can thiệp	2	60	13	41	6
MĐ HA13	Y học hạt nhân	3	75	28	43	4
MĐ HA14	Thực tập lâm sàng các chuyên khoa	6	280	0	272	8
II.3	Môn học, mô đun tự chọn	4	180	0	176	4
MĐ HA15A	Thực hành kỹ thuật điện quang can thiệp dưới CLVT	2	90	0	88	2
MĐ HA15B	Thực hành kỹ thuật điện quang can thiệp dưới DSA	2	90	0	88	2
MĐ HA15C	Thực hành kỹ thuật chụp cộng hưởng từ chuyên sâu	2	90	0	88	2
MĐ HA15D	Thực hành kỹ thuật chụp CLVT chuyên sâu	2	90	0	88	2

4. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Các môn học chung bắt buộc thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

- Môn Anh văn thực hiện theo thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17/01/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc Ban hành chương trình môn học Tiếng Anh thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.
 - Môn Tin học thực hiện theo thông tư số 11/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Tin học thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
 - Môn Giáo dục thể chất thực hiện theo thông tư số 12/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục thể chất thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
 - Môn học Pháp luật thực hiện theo thông tư số 13/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Pháp luật thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
 - Môn học Giáo dục chính trị thực hiện theo thông tư số 24/2018/TT- BLĐTBXH ngày 06/12/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;
 - Môn Giáo dục Quốc phòng và An ninh thực hiện theo thông tư số 10/2018/TT- BLĐTBXH ngày 26/9/2018 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.
- 4.2. Hướng dẫn xác định thời gian và nội dung hoạt động ngoại khoá: căn cứ điều kiện cụ thể, khả năng của trường, kế hoạch đào tạo hàng năm theo từng khoá học, lớp học và hình thức tổ chức đào tạo trong chương trình đào tạo, Hiệu trưởng sẽ có quyết định ban hành vào đầu mỗi khoá học.
- 4.3. Tổ chức thi/ kiểm tra hết môn học/ mô đun: Áp dụng Quy định về thực hiện chương trình đào tạo theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2017 và được cụ thể hoá bằng trong nội dung chi tiết từng môn học.
- 4.4. Tổ chức thi/ kiểm tra/ xét công nhận tốt nghiệp: Áp dụng Quy định thi, kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp theo thông tư 09/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội ngày 13/3/2017, cụ thể:
- Đối với đào tạo theo niên chế:
- Người học phải học hết chương trình đào tạo và có đủ điều kiện thì sẽ được dự thi tốt nghiệp.

- Nội dung thi tốt nghiệp bao gồm: môn Chính trị; Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp; Thực hành nghề nghiệp.

+ Thi môn Chính trị: thi viết, thời gian thi không quá 180 phút

+ Thi Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp: thi viết, thời gian thi không quá 180 phút.

+ Thi Thực hành nghề nghiệp: thực hiện được một số kỹ thuật thực hành trên bệnh nhân tại khoa Chẩn đoán hình ảnh – Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức.

- Nội dung và khối lượng kiến thức thi tốt nghiệp do Hiệu trưởng quyết định và công bố vào đầu kì cuối cùng của khoá học.

- Hiệu trưởng các trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp của người học và các quy định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng tốt nghiệp theo quy định của trường và công nhận danh hiệu cử nhân thực hành.

4.5. Chú ý khác (nếu có):

- Chương trình đào tạo này được sử dụng để giảng dạy tại trường Cao đẳng Y tế và thiết bị Việt Đức hệ cao đẳng theo hình thức Đào tạo theo niên chế.

- Có thể sử dụng CTĐT này để giảng dạy ở các trình độ thấp hơn theo nhu cầu của người học.

TRÌNH TỰ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

